

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Bản án số: 91 /2019/DS-PT

Ngày 08 – 4 – 2019

V/v Tranh chấp quyền sử dụng đất

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Quốc Khởi

Các Thẩm phán: Ông Huỳnh Sáng

Ông Nguyễn Văn Hùng

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Đức Anh – Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Hà Văn Hùng – Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 4 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 334/TLPT-DS ngày 24 tháng 9 năm 2018 về việc “*Tranh chấp quyền sử dụng đất*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 13/2018/DS-ST ngày 31 tháng 7 năm 2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 343/2019/QĐXX-PT ngày tháng 18 tháng 3 năm 2019, giữa các đương sự:

1/- Nguyên đơn: **Ông Lương Văn Q**, Sinh năm 1947 (có mặt);

Trú quán: thị trấn Long H, huyện Long H, tỉnh Vĩnh Long.

2/- Bị đơn: **Ông Lê Thanh H** (vắng mặt);

Trú quán: thị trấn Long H, huyện Long H, tỉnh Vĩnh Long.

- Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: **Ông Nguyễn Ngọc S** (Theo văn bản ủy quyền ngày 20/6/2017); (có mặt).

Trú quán: đường Phạm Thái B, Phường .., thành phố Vĩnh L, tỉnh Vĩnh Long.

3/- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1/- **Bà Huỳnh Thị N**(vắng mặt);

Trú quán: thị trấn Long H, huyện Long H, tỉnh Vĩnh Long.

3.2/- Bà Đinh Thị Phương D(vắng mặt).

Trú quán : Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Người đại diện theo ủy quyền của chị Đinh Thị Phương D: Ông Nguyễn Ngọc S(Theo văn bản ủy quyền ngày 29/5/2018); (có mặt).*

Trú quán: đường Phạm Thái B, Phường .., thành phố Vĩnh L, tỉnh Vĩnh Long.

3.3/- Ủy ban nhân dân huyện Long H, tỉnh Vĩnh Long (có mặt).

- *Người đại diện theo ủy quyền của Ủy ban nhân dân huyện Long H: Ông Lê Văn T; chức vụ: Phó Chủ tịch (văn bản ủy quyền ngày 11/4/2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Long H); (vắng mặt).*

4. Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long (vắng mặt).

- *Người đại diện theo ủy quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long: Ông Trần Minh K; chức vụ: Phó Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Vĩnh Long (Theo văn bản ủy quyền số 1116/UBND- NC ngày 05/4/2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long); (vắng mặt).*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 24/11/2014 và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Lương Văn Q và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày: Ngày 28/3/1994, ông nhận chuyển nhượng của ông Trần Hồng P thửa 683 diện tích 1.370m², thửa 436 diện tích 300m². Đồng thời, ông Q có nhận chuyển nhượng của bà Trần Thị Nguyệt Y phần đất thổ cư thửa 285, diện tích 290m² (diện tích thực tế 400m²). Các thửa trên thuộc thửa 406, tờ bản đồ số 6, diện tích 8.180m², nguồn gốc của ông Trần Văn N1. Ông N1 cho các con là Trần Hồng P và Trần Thị Nguyệt Y . Đối với hai thửa đất nhận chuyển nhượng theo hợp đồng ngày 28/3/1994, ông Q đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Còn phần đất thửa 285 diện tích 300m² mà ông Q đã nhận chuyển nhượng nhưng bị vợ chồng bà Huỳnh Thị N2 chiếm và bà N đã hợp thức hóa , được Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long công nhận quyền sử dụng đất theo Quyết định số 4411/QĐ-UB ngày 31/12/2001. Sau đó, bà N phân lô chuyển nhượng cho người khác, trong đó chuyển nhượng cho anh Lê Thanh H diện tích 153,3m². Vì vậy, ông Q khởi kiện yêu cầu hủy Quyết định số 4411/QĐ-UB ngày 31/12/2001 của Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long công nhận cho bà Huỳnh Thị N được quyền sử dụng phần đất diện tích 362,8m², loại đất thổ vườn, thuộc thửa 114, tọa lạc thị trấn Long H, huyện Long H, tỉnh Vĩnh Long.

Yêu cầu anh Lê Thanh H trả lại phần đất diện tích 153,5m², loại đất ở đô thị, thuộc thửa 153, tọa lạc thị trấn Long H, huyện Long H, tỉnh Vĩnh Long. Phần đất hiện nay do anh Lê Thanh H được Ủy ban nhân dân huyện Long H, tỉnh Vĩnh Long

cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào ngày 08/8/2005 và hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho anh Lê Thanh H .

Tại bản khai ngày 27/12/2014 và quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Lê Thanh H và người đại diện hợp pháp của bị đơn trình bày: Năm 2002 anh nhận chuyển nhượng phần đất của bà Huỳnh Thị N , bà N đã được Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Việc chuyển nhượng giữa anh và bà N thực hiện đúng thủ tục và được Ủy ban nhân dân huyện Long H cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật . Hiện trạng toàn bộ phần đất, anh xây dựng nhà ở kiên cố, có tường bao xung quanh và hoàn toàn không lấn chiếm đất của các hộ liền kề. Trong các lần đo đạc, địa chính cũng xác định diện tích thực tế anh đang sử dụng phù hợp với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã được cấp. Ông Q khởi kiện đòi anh trả lại đất là không có căn cứ. Anh không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông Q .

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Đinh Thị Phương D và người đại diện hợp pháp cho chị D trình bày: Thống nhất với ý kiến của anh Lê Thanh H .

Tại Công văn số 4845/UBND-NC ngày 22/12/2016 và quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long do ông Trần Minh K đại diện trình bày: Phần đất bà Huỳnh Thị N sử dụng thuộc thửa số 114, tờ bản đồ số 4, diện tích 362,8m², loại đất thổ vườn, tọa lạc tại Khóm 6, thị trấn Long H, huyện Long H, nguồn gốc của ông Trần Văn N . Khoảng năm 1978, 1979, ông Nguyễn Văn B chồng bà N (gọi Ông N1 bằng cậu), từ Thành phố Hồ Chí Minh về được Ông N1 cho cất nhà ở trên phần đất của Ông N1 giáp Quốc lộ 53. Ông B và bà N đã sử dụng phần đất này đến năm 1994, Ông B chết, bà Huỳnh Thị N tiếp tục quản lý, sử dụng. Ngày 11/6/2001, bà Huỳnh Thị N có đơn xin đăng ký quyền sử dụng đất, quyền sử hữu nhà ở, thửa 114, tờ bản đồ số 4, diện tích 362,8m², loại đất thổ vườn. Vào ngày 18/6/2001, Hội đồng xét duyệt thị trấn Long H: Thống nhất cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà N . Ngày 27/7/2001, Ủy ban nhân dân thị trấn Long H có giấy xác nhận cho bà Huỳnh Thị N với nội dung: “Phần đất thuộc thửa 114, diện tích 362,8m², loại đất thổ vườn, tọa lạc tại Khóm 6, thị trấn Long H trước đây ông Nguyễn Văn B là chồng bà N đứng tên chủ sử dụng (chương trình đất). Năm 1994, Ông B chết, bà N thừa kế đã đăng ký lại năm 2001, hiện là hợp pháp.”

Đến ngày 31/12/2001, Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long ban hành Quyết định số 4411/QĐ-UB, nội dung: Công nhận cho bà Huỳnh Thị N được quyền sử dụng phần đất tọa lạc tại Khóm 6, thị trấn Long H, huyện Long H thuộc: Tờ bản đồ số 4; thửa số 114; diện tích 362,8m²; loại đất thổ vườn, trong đó: Thổ 120m², vườn 242,8m², diện tích phạm lộ giới 362,8m². Việc Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long ban hành Quyết định số 4411/QĐ-UB ngày 31/12/2001 về việc công nhận cho bà Huỳnh Thị N được quyền sử dụng phần đất diện tích 362,8m², loại đất thổ vườn, tọa lạc tại Khóm 6, thị trấn Long H là đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật đất đai. Việc ông Lương Văn Q yêu cầu hủy Quyết định số 4411/QĐ-UB ngày 31/12/2001

là không có cơ sở chấp nhận. Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long vẫn bảo lưu Quyết định số 4411/QĐ-UB ngày 31/12/2001.

Tại Công văn số 807/UBND ngày 20/6/2016 và quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân huyện Long H trình bày: Ủy ban nhân dân huyện Long H cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho anh Lê Thanh H, số phát hành AD 240498, tại thửa đất số 153, tờ bản đồ số 04 được thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định pháp luật. Ủy ban nhân dân huyện Long H vẫn bảo lưu việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho anh Lê Thanh H đối với thửa đất nói trên.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 13/2018/DS-ST ngày 31 tháng 7 năm 2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long quyết định:

- Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lương Văn Q về việc: Đòi anh Lê Thanh H trả lại phần đất diện tích 153,5m² (diện tích thực đo 125,1m²), thuộc thửa 153, loại đất ODT+LNQ tọa lạc tại Khóm 6, thị trấn Long H, huyện Long H, tỉnh Vĩnh Long (Theo trích đo bản đồ địa chính khu đất ngày 20/11/2017 của Sở Tài nguyên và Môi trường Vĩnh Long đính kèm theo bản án này).

- Không chấp nhận yêu cầu của ông Lương Văn Q về việc hủy Quyết định Quyết định số 4411/QĐ-UB ngày 31/12/2001 của Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long đối với việc công nhận phần đất diện tích 153,5m², thuộc thửa 153, tọa lạc tại Khóm 6, thị trấn Long H, huyện Long H, tỉnh Vĩnh Long mà bà N đã chuyển nhượng cho anh H. Phần đất này thuộc một phần trong diện tích 362,8m², thuộc thửa 114 được Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long công nhận cho bà N theo Quyết định 4411/QĐ-UB ngày 31/12/2001 nói trên.

- Không chấp nhận yêu cầu của ông Lương Văn Q về việc hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của Ủy ban nhân dân huyện Long H cấp cho anh Lê Thanh H vào ngày 08/8/2005 đối với thửa đất số 153, diện tích 153,5m², loại đất ODT+LNQ, tọa lạc tại Khóm 6, thị trấn Long H, huyện Long H, tỉnh Vĩnh Long.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản; án phí; điều luật thi hành án và quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 10 tháng 8 năm 2018, nguyên đơn ông Lương Văn Q kháng cáo toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm số: 13/2018/DS-ST ngày 31 tháng 7 năm 2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Q; buộc anh Lê Thanh H trả lại phần đất diện tích 153,5m² thuộc thửa 153, loại đất ODT+LNQ tọa lạc tại Khóm 6, thị trấn Long H, huyện Long H, tỉnh Vĩnh Long; hủy Quyết định Quyết định số 4411/QĐ-UB ngày 31/12/2001 của Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long công nhận cho bà Huỳnh Thị N phần đất diện tích 153,5m², thuộc thửa 153, tọa lạc tại Khóm 6, thị trấn Long H, huyện Long H, tỉnh Vĩnh Long; hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà Ủy ban nhân dân huyện Long H cấp cho anh Lê Thanh H vào

ngày 08/8/2005 đối với diện tích 153,5m², thửa đất số 153, loại đất ODT+LNQ, tọa lạc tại Khóm 6, thị trấn Long H, huyện Long H, tỉnh Vĩnh Long.

Ngày 13 tháng 8 năm 2018 ông Q kháng cáo bổ sung cho rằng việc công nhận quyền sử dụng đất cho bà Huỳnh Thị N tại Quyết định số 4411/QĐ-UB ngày 31/12/2001 của Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long là không đúng sự thật, vi phạm pháp luật về đất đai; thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho anh Lê Thanh H là sai quy định của pháp luật; Tòa án cấp sơ thẩm vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng.

Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân Cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến cho rằng: Bản án thẩm bác toàn bộ khởi kiện của nguyên đơn Lương Văn Q là có căn cứ pháp luật. Tại phiên tòa phúc thẩm ông Lương Văn Q không cung cấp được tài liệu chứng cứ mới; nên đề nghị không chấp nhận kháng cáo của ông Lương Văn Q, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu toàn bộ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên, sau khi thảo luận, nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[2] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của ông Lương Văn Q được làm đúng theo quy định tại Điều 272 và được gửi đến Tòa án trong thời hạn quy định tại Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên được chấp nhận để xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[3] Về nội dung: Xét kháng cáo của ông Lương Văn Q. Hội đồng xét xử xét thấy, căn cứ vào biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ và trích đo bản đồ địa chính khu đất cùng ngày 20/11/2017 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Vĩnh Long, phần đất tranh chấp diện tích 153,5 m², thuộc thửa 153 (diện tích theo đo đạc thực tế 125,1m²), diện tích giảm 5,5m² do đương sự xác định lại ranh không đúng và giảm 22,9m² do Nhà nước thu hồi để mở rộng Quốc lộ 53. Phần đất này hiện nay do anh Lê Thanh H đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và anh đang quản lý, sử dụng, trên đất tranh chấp anh H đã xây dựng nhà ở và các công trình phụ tổng trị giá 132.374.000 đồng.

[4] Nguồn gốc phần đất của ông Trần Văn N1, khoảng năm 1978, 1979, ông Nguyễn Văn B (Ông B là chồng bà Huỳnh Thị N) từ Thành phố Hồ Chí Minh về được Ông N1 cho cất nhà ở trên phần đất của Ông N1 cặp Quốc lộ 53. Vì Ông B gọi Ông N1 bằng cậu. Khi thực hiện đo đạc theo chương trình đất của tỉnh, phần đất ông Nguyễn Văn B sử dụng là thửa 285, diện tích 520m², loại đất thổ quả do Ông B đứng tên kê khai sử dụng. Đến năm 1994, Ông B chết, phần đất trên bà Huỳnh Thị N tiếp tục quản lý, sử dụng. Năm 2001 bà N làm thủ tục thừa kế và hợp pháp hóa quyền sử dụng đất từ ông Nguyễn Văn B. Ngày 31/12/2001 Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long

ban hành Quyết định số 4411/QĐ-UB về việc công nhận quyền sử dụng đất thửa 114, diện tích 362,8m², loại đất thổ quả cho bà N .

[5] Mặc dù, nguồn gốc thửa đất nói trên của ông Trần Văn N nhưng Ông N1 đã giao cho Ông B và bà N sử dụng, thời điểm trước năm 1994, khi Ông N1 còn sống có tranh chấp với ông Ba , khi Ông N1 chết việc tranh chấp không còn, Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long căn cứ vào việc ông Ba , bà N sử dụng ổn định , phù hợp với quy hoạch và không có tranh chấp để công nhận quyền sử dụng đất cho bà N là đúng quy định của pháp luật về đất đai . Năm 2003 bà N chuyển nhượng diện tích 153,5m², loại đất thổ vườn , trong phần đất được công nhận nói trên cho anh Lê Thanh H , hợp đồng chuyển nhượng đã tuân thủ đúng theo quy định của pháp luật về đất đai và anh H được Ủy ban nhân dân huyện Long H cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào ngày 08/8/2005. Vì Quyết định số 4411/QĐ-UB ngày 31/12/2001 của Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long có liên quan đến việc giải quyết vụ án , ông Q yêu cầu được tách ra để k hời kiện ở vụ án hành chính là không có cơ sở chấp nhận . Khi xem xét yêu cầu hủy quyết định này Tòa án cấp sơ thẩm chỉ xem xét trong phạm vi vụ án dân sự mà Tòa án thụ lý giải quyết là có căn cứ phù hợp quy định của pháp luật.

[6] Ông Lương Văn Q cho rằng ông nhận chuyển nhượng của ông Trần Hồng P là con của Ông N1 thửa 683, diện tích 1.370m², thửa 436 diện tích 300m², hợp đồng được lập ngày 28/3/1994. Các thửa đất này hiện nay là thửa 112 diện tích 236,6m² và thửa 113 diện tích 1534,5m², tọa lạc tại Khóm 6, thị trấn Long H, huyện Long H, tỉnh Vĩnh Long, ông Q đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất . Ngoài ra, ông Q còn khai ông nhận chuyển nhượng thửa đất 285 của ông P vào năm 1994 nhưng không làm giấy tờ, có Ông N1 và ông P chỉ ranh giới đất, hiện nay Ông N1 và ông P đã chết. Phần đất thửa 285 trước đây có một phần thửa 153 của anh Lê Thanh H mà hiện nay ông Q tranh chấp.

[7] Như nhận định ở trên , phần đất thửa 153 do anh Lê Thanh H nhận chuyển nhượng hợp pháp, được Ủy ban nhân huyện Long H cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Ông Q cho rằng vào năm 1994 ông có nhận chuyển nhượng phần đất thửa 285 của ông P là con của Ông N1 nhưng việc chuyển nhượng chỉ nói miệng , diện tích đất và vị trí không được xác định cụ thể, ông không xuất trình được tài liệu chứng cứ chứng minh nên lời trình bày của ông không có căn cứ chấp nhận.

[8] Mặt khác, ông Lương Văn Q còn nại ra phần đất ông nhận chuyển nhượng khi được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất còn thiếu, sự việc này ông có khiếu nại. Khi Sở Tài nguyên và Môi trường mời ông đến làm việc thì ông rút yêu cầu khiếu nại, thông nhất diện tích đất ông đã nhận chuyển nhượng và được cấp giấy chứng nhận. Căn cứ Quyết định chấp thuận số 322/CT-UBT ngày 24/10/1994 của Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho ông Q thì các thửa đất ông nhận chuyển nhượng nói trên cũng không có thửa nào giáp Quốc lộ 53. Ông cho rằng bà N lấn chiếm đất của ông là không có cơ sở. Do đó, bản án sơ

thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lương Văn Q là có căn cứ phù hợp quy định của pháp luật.

[9] Tại phiên tòa phúc thẩm ông Lương Văn Q không có tài liệu chứng cứ nào khác chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình, nên cấp phúc thẩm không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của ông Lương Văn Q; giữ nguyên bản án sơ thẩm theo như đề nghị của kiểm sát viên tại phiên tòa là phù hợp.

[10] Về án phí dân sự sơ thẩm và phúc thẩm: Do ông Lương Văn Q là người cao tuổi và có đơn xin miễn giảm án phí nên được miễn án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

[11] Các phần khác của bản án dân sự sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị được giữ nguyên.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; khoản 1 Điều 100, khoản 5, 7 Điều 166, Điều 203 Luật Đất đai năm 2013; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của ông Lương Văn Q, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số: 13/2018/DS-ST ngày 31 tháng 7 năm 2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lương Văn Q về việc đòi anh Lê Thanh H trả lại phần đất diện tích 153,5m² (diện tích thực đo 125,1m²), thuộc thửa 153, loại đất ODT+LNQ tọa lạc tại Khóm 6, thị trấn Long H, huyện Long H, tỉnh Vĩnh Long (Theo trích đo bản đồ địa chính khu đất ngày 20/11/2017 của Sở Tài nguyên và Môi trường Vĩnh Long đính kèm theo bản án này).

2. Không chấp nhận yêu cầu của ông Lương Văn Q về việc hủy Quyết định số 4411/QĐ-UB ngày 31/12/2001 của Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long đối với việc công nhận phần đất diện tích 153,5m², thuộc thửa 153, tọa lạc tại Khóm 6, thị trấn Long H, huyện Long H, tỉnh Vĩnh Long mà bà N đã chuyển nhượng cho anh H. Phần đất này thuộc một phần trong diện tích 362,8m², thuộc thửa 114 được Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long công nhận cho bà N theo Quyết định số 4411/QĐ-UB ngày 31/12/2001 nói trên.

3. Không chấp nhận yêu cầu của ông Lương Văn Q về việc hủy giấy chứng

nhận quyền sử dụng đất của Ủy ban nhân dân huyện Long H cấp cho anh Lê Thanh H vào ngày 08/8/2005 đối với thửa đất số 153, diện tích 153,5m², loại đất ODT+LNQ, tọa lạc tại Khóm 6, thị trấn Long H, huyện Long H, tỉnh Vĩnh Long.

4. Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản: 1.900.000 đồng, ông Lương Văn Q phải chịu toàn bộ và đã nộp xong.

5. Về án phí: Ông Lương Văn Q được miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm và phúc thẩm. Ông Q đã nộp tạm ứng án phí 210.000 đồng theo biên lai thu số 027006 ngày 01/12/2014 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long được hoàn lại trong giai đoạn thi hành án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND Tối cao;
- VKSNDCC tại TP.HCM;
- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- Cục THADS tỉnh Vĩnh Long;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Quốc Khởi